

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Thông qua Đề án “Mỗi xã một sản phẩm”
tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2019 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;

Xét Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2019-2025; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2019-2025 (Có tóm tắt Đề án kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2019.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Bùi Xuân Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TÓM TẮT

Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2019 - 2025
*(Kèm theo Nghị quyết số 33 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

I. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tiềm năng sáng tạo của người dân trong khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên trong tổ chức sản xuất. Tăng cường hoạt động liên kết sản xuất, gia tăng giá trị, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của hàng hóa nông sản và dịch vụ du lịch nông thôn, tăng thu nhập của người dân nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng Chương trình xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tỉnh Thái Nguyên.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng hệ thống quản lý, điều hành Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (sau đây gọi tắt là OCOP) đồng bộ từ tỉnh đến huyện, xã.

b) Giai đoạn 2019-2020:

- Có ít nhất 50 sản phẩm được chứng nhận đạt chuẩn OCOP (trên cơ sở các sản phẩm chủ lực, thế mạnh hiện có của các địa phương nâng cấp thành sản phẩm OCOP).

- Triển khai thực hiện 01 mô hình Làng văn hóa du lịch.

- Chứng nhận ít nhất 01 sản phẩm OCOP đạt hạng từ 4 đến 5 sao. Còn lại các sản phẩm được đánh giá xếp hạng sao theo tiêu chuẩn OCOP.

c) Giai đoạn 2021-2025:

- Duy trì, phát triển những sản phẩm đã được tiêu chuẩn hóa ở giai đoạn trước và tiếp tục chuẩn hóa ít nhất 70 sản phẩm giai đoạn 2021- 2025 được chứng nhận đạt chuẩn OCOP.

- Triển khai thực hiện từ 5 - 8 mô hình Làng văn hóa du lịch.

- Chứng nhận ít nhất 5 sản phẩm OCOP đạt hạng 5 sao; các sản phẩm còn lại được xếp hạng sao theo tiêu chuẩn OCOP.

d) Triển khai xây dựng Trung tâm quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm OCOP cấp tỉnh.

e) Củng cố, kiện toàn 100% doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia Chương trình OCOP.

f) Đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại và quảng bá thương hiệu sản phẩm OCOP.

g) Đào tạo, tập huấn kiến thức chuyên môn quản lý sản xuất, kinh doanh cho cán bộ quản lý nhà nước (cấp tỉnh, huyện) thực hiện Chương trình OCOP và 100% lãnh đạo doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh tham gia Chương trình OCOP.

3. Phạm vi, đối tượng thực hiện

3.1 Phạm vi thực hiện: Các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

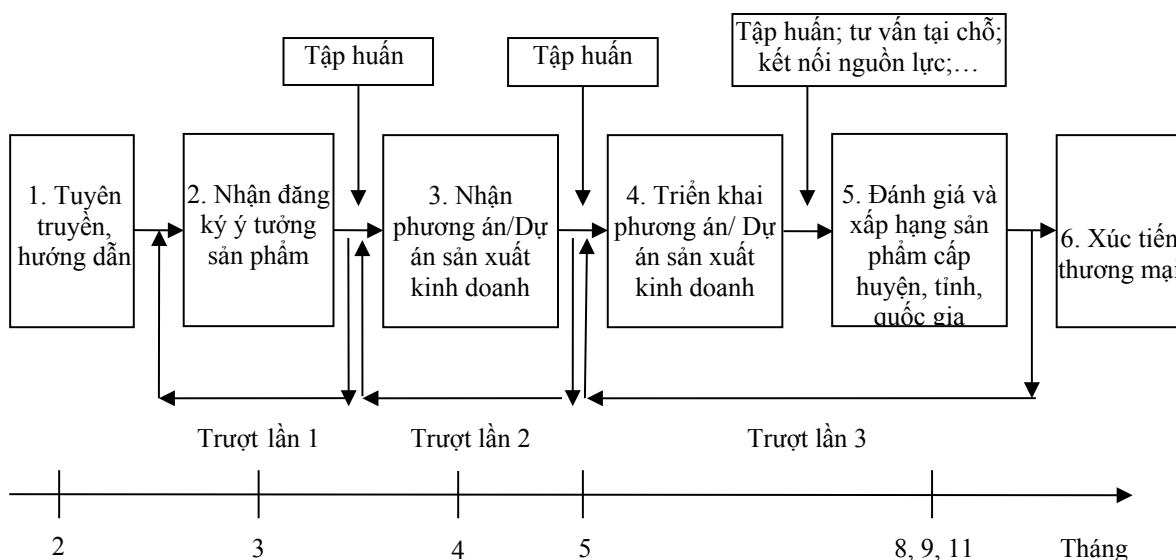
3.2 Đối tượng thực hiện: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình sản xuất có đăng ký kinh doanh.

II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Triển khai thực hiện chu trình OCOP

Chu trình OCOP hàng năm được thực hiện theo 6 bước, trên cơ sở nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm” (đề xuất nhu cầu từ dưới lên, theo nhu cầu và khả năng của hộ sản xuất, Hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa).

Sơ đồ chu trình OCOP



1.1. Tuyên truyền, hướng dẫn về OCOP

Hàng năm xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn để nâng cao nhận thức của hệ thống quản lý Chương trình OCOP các cấp và cộng đồng, chủ thể tham gia chương trình OCOP.

- Nội dung tuyên truyền: Sự cần thiết, các nguyên tắc, nội dung Chương trình OCOP, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về triển khai, thực hiện Chương trình OCOP, ngoài ra cần chú trọng các nội dung sau:

- + Các mô hình điển hình, tiên tiến;
- + Các cách làm sáng tạo trong sản xuất kinh doanh;
- + Cung cấp thông tin thị trường;
- + Cách tiếp cận các hỗ trợ về lãi suất ngân hàng, cơ sở hạ tầng, đào tạo tập huấn.

- Hình thức tuyên truyền: Qua phương tiện thông tin đại chúng; hội nghị, hội thảo; các buổi sinh hoạt Đảng, các đoàn thể.

- Thời gian thực hiện: Liên tục qua các năm.

- Trách nhiệm thực hiện: Hệ thống quản lý, điều hành Chương trình OCOP cấp tỉnh, huyện, xã; Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Báo Thái Nguyên.

1.2. Nhận đăng ký ý tưởng sản phẩm

Chủ thể tham gia chương trình OCOP đăng ký ý tưởng về sản phẩm với hệ thống quản lý Chương trình OCOP cấp xã, huyện. Hệ thống quản lý Chương trình OCOP cấp huyện tổng hợp, đánh giá, lựa chọn các ý tưởng có tính khả thi cao tiệm cận theo bộ tiêu chí OCOP quốc gia.

Chủ thể của các ý tưởng sản phẩm được chọn sẽ được tập huấn về phương pháp xây dựng “Phương án kinh doanh”. Kết quả cần có là người dân có thể xây dựng kế hoạch kinh doanh dựa trên ý tưởng sản phẩm đã được duyệt.

- Nội dung tập huấn: Theo quy định tại khung đào tạo Chương trình OCOP quy định tại phụ lục III, Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 – 2020, bao gồm: Khái niệm về kinh doanh, các loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh, marketing cơ bản, sản phẩm, xây dựng kế hoạch tài chính và nội dung kế hoạch kinh doanh.

- Hình thức tập huấn: Tổ chức các lớp tập huấn tập trung.

- Thời gian thực hiện: Tháng 3 hằng năm.

- Trách nhiệm thực hiện: Hệ thống quản lý, điều hành OCOP cấp huyện, xã.

1.3. Nhận phương án, dự án sản xuất kinh doanh

Chủ thể nộp phương án, dự án sản xuất kinh doanh đối với ý tưởng sản phẩm được lựa chọn cho hệ thống quản lý Chương trình OCOP cấp huyện. Hệ thống quản lý Chương trình OCOP cấp huyện đánh giá, lựa chọn kế hoạch kinh doanh có tính khả thi cao, tiến hành tập huấn quản trị sản xuất và kinh doanh cho chủ thể các phương án, dự án sản xuất kinh doanh được chọn.

- Thời gian thực hiện: Tháng 4 hằng năm.

- Trách nhiệm thực hiện: Hệ thống quản lý, điều hành Chương trình OCOP cấp huyện.

1.4. Triển khai phương án, dự án sản xuất kinh doanh

Phương án, dự án sản xuất kinh doanh của các chủ thể sẽ được triển khai với các nội dung chính như: Kiện toàn tổ chức kinh tế (thành lập mới hoặc tái cơ cấu); huy động nguồn lực (kiến thức, kỹ năng, đối tác, thị trường, vốn...); xây dựng cơ bản, mua sắm và lắp đặt trang thiết bị; nghiên cứu và phát triển sản phẩm, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng; sản xuất sản phẩm; hoàn thiện quy trình công nghệ; xúc tiến thương mại, phân phối sản phẩm.

Trong quá trình triển khai theo Phương án kinh doanh, chủ thể thực hiện sẽ nhận được tư vấn tại chỗ, kết nối của cán bộ OCOP cấp huyện hoặc tư vấn của Chương trình OCOP. Tùy mức độ đơn giản hay phức tạp và điều kiện sẵn có, một sản phẩm có thể nhận từ một đến tất cả những hỗ trợ từ chương trình OCOP, bao gồm: Tập huấn, tư vấn tại chỗ; kết nối các nguồn lực; tập huấn nghiên cứu phát triển sản phẩm; xây dựng và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án ứng dụng khoa học công nghệ; hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực; thiết kế mẫu mã, bao bì, tem nhãn sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu tập thể; xúc tiến thương mại.

Kết quả của quá trình triển khai kế hoạch kinh doanh: Các chủ thể sản xuất có sản phẩm hoàn chỉnh, tham gia đánh giá, phân loại, dự thi sản phẩm OCOP và lưu thông trên thị trường.

- Thời gian thực hiện: Liên tục từ khi kế hoạch kinh doanh được duyệt.

- Trách nhiệm thực hiện: Hệ thống quản lý, điều hành Chương trình OCOP cấp tỉnh, huyện các đơn vị liên quan.

1.5. Đánh giá và phân hạng sản phẩm

- Các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP bắt buộc phải tham gia đánh giá và xếp hạng tại cấp tương ứng (huyện, tỉnh, quốc gia) do Hội đồng đánh giá sản phẩm cấp tương ứng thực hiện, trong đó:

+ Các sản phẩm đạt từ 4-5 sao ⁽¹⁾ ở cấp tỉnh sẽ được đánh giá ở cấp quốc gia.

+ Các sản phẩm đạt từ 3-4 sao ở cấp huyện sẽ được đánh giá ở cấp tỉnh.

+ Các sản phẩm không được đánh giá sao (1-2 sao) và các sản phẩm đạt 3-4 sao kỳ trước có thể hoàn thiện và dự thi đánh giá và phân hạng vào kỳ năm tiếp theo.

- Các sản phẩm được đánh giá và xếp hạng theo bộ tiêu chí của chương trình OCOP và các quy định hiện hành.

Thời gian thực hiện: cấp huyện vào tháng 8 hằng năm, cấp tỉnh vào tháng 9 hằng năm.

Trách nhiệm: Hệ thống quản lý, điều hành Chương trình OCOP cấp tỉnh, huyện các đơn vị liên quan.

1.6. Xúc tiến thương mại

Các sản phẩm dự thi đạt 3 sao trở lên sẽ được hỗ trợ xúc tiến thương mại tại các cấp tương ứng nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm tại thị trường địa phương, tỉnh, quốc gia và quốc tế, qua đó thúc đẩy phát triển sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội cộng đồng.

¹ - Hạng 5 sao: Sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế;
 - Hạng 4 sao: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn, có thể nâng cấp để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế;
 - Hạng 3 sao: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn, có thể phát triển lên hạng 4 sao;
 - Hạng 2 sao: Sản phẩm chưa đạt đầy đủ tiêu chuẩn, có thể phát triển lên hạng 3 sao;
 - Hạng 1 sao: Sản phẩm yếu, có thể phát triển lên hạng 2 sao.

Các hoạt động chính gồm: Xây dựng website OCOP Thái Nguyên, xây dựng phần mềm quản lý Chương trình OCOP Thái Nguyên; xây dựng hệ thống trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, gian hàng OCOP (*dự kiến xây dựng 01 điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP cấp tỉnh*); quảng bá trên các phương tiện truyền thông đại chúng; tổ chức hội chợ sản phẩm OCOP; kết nối thị trường.

Trách nhiệm thực hiện: Hệ thống quản lý, điều hành Chương trình OCOP cấp tỉnh, huyện, các đơn vị liên quan.

2. Phát triển sản phẩm, dịch vụ OCOP

Phát triển sản phẩm, dịch vụ theo 05 nhóm, bao gồm:

- Thực phẩm: Nông sản tươi sống và nông sản chế biến từ rau, quả, thịt, gạo và ngũ cốc.

- Đồ uống: Gồm đồ uống có cồn và đồ uống không cồn.

- Thảo dược: Gồm các sản phẩm có thành phần cây dược liệu.

- Lưu niệm - nội thất - trang trí: Gồm các sản phẩm từ gỗ, đồ nội thất, sinh vật cảnh.

- Dịch vụ du lịch nông thôn, bán hàng: Gồm các sản phẩm dịch vụ phục vụ tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí, học tập, nghiên cứu.

3. Các dự án thành phần của Chương trình OCOP

- Dự án cấp huyện: Xây dựng 09 mô hình điểm về phát triển sản phẩm OCOP.

- Dự án cấp tỉnh:

+ Dự án phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP Thái Nguyên: Xây dựng hệ thống trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, gian hàng OCOP (trong đó có 01 trung tâm cấp tỉnh). Tổ chức thực hiện nội dung dự án dựa trên cơ sở xã hội hóa, tạo điều kiện cho chủ thể tham gia Chương trình OCOP phát triển, quảng bá thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm (Nhà nước hỗ trợ xúc tiến thương mại; đào tạo về quản lý, bán hàng, marketing sản phẩm, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa; hỗ trợ một số loại vật tư, thiết bị bảo quản sản phẩm OCOP... Chủ thể tham gia Chương trình OCOP tự tổ chức, quản lý, điều hành, hạch toán kinh doanh).

+ Dự án xây dựng Website OCOP Thái Nguyên; xây dựng phần mềm quản lý Chương trình OCOP Thái Nguyên kết nối với các sàn giao dịch và website của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân, các chủ thể tham gia Chương trình OCOP nhằm quảng bá thương hiệu và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm OCOP.

- Dự án xây dựng thí điểm 01 làng, bản văn hóa du lịch: Khai thác tiềm năng, thế mạnh về điều kiện tự nhiên, hệ sinh thái, bản sắc văn hóa dân tộc của tỉnh Thái Nguyên hình thành không gian du lịch văn hóa, lịch sử, trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn, thu hút du khách thăm quan sử dụng các sản phẩm dịch vụ du lịch. Đồng thời, quảng bá, tiếp thị và tiêu thụ các sản phẩm OCOP.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức

Thực hiện tốt việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, tuyên truyền thường xuyên, liên tục, sâu rộng bằng nhiều hình thức (phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, hội thảo, hình ảnh, khẩu hiệu, website,...) trong nhân dân để người dân biết và tham gia chương trình. Đưa Chương trình OCOP vào Nghị quyết hành động của cấp ủy các cấp để chỉ đạo thực hiện, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của chính quyền địa phương để triển khai thực hiện thường xuyên, lâu dài.

2. Kiện toàn bộ máy quản lý, điều hành Chương trình OCOP

a) Cấp tỉnh:

- Cơ quan chỉ đạo: Bổ sung nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện chương trình OCOP cho Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh.

- Cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách: Bổ sung nhiệm vụ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh).

- Thành lập Hội đồng đánh giá và xếp hạng sản phẩm ở cấp tỉnh tại mỗi kỳ đánh giá thường niên, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Cấp huyện:

- Cơ quan chỉ đạo: Bổ sung nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện chương trình OCOP cho Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

- Cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách: Bổ sung nhiệm vụ cho Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện.

- Thành lập Hội đồng đánh giá và xếp hạng sản phẩm ở cấp huyện tại mỗi kỳ đánh giá thường niên do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

c) Cấp xã:

- Bổ sung nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện chương trình OCOP cho Ban chỉ đạo, Ban quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Phân công cán bộ (nông nghiệp, môi trường, khuyến nông) phụ trách việc tham mưu, tổng hợp thực hiện chương trình.

3. Cơ chế chính sách

- Các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh tham gia thực hiện Chương trình OCOP, được áp dụng thực hiện các chính sách hiện hành của Nhà nước về phát triển ngành nghề, phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Nhà nước hỗ trợ một phần cho các nội dung:

+ Đào tạo, tập huấn và tuyên truyền về Chương trình OCOP.

+ Quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa, dịch vụ.

+ Quản lý và giám sát tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

+ Xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm. Xây dựng

hệ thống cơ sở hạ tầng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.

- + Cấp chứng chỉ chất lượng sản phẩm, chứng chỉ quy trình sản xuất theo quy định.
- + Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm.
- + Hỗ trợ các mô hình mẫu làng/bản văn hóa du lịch.
- + Tiếp cận các nguồn vốn tín dụng từ Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, quỹ tín dụng nhân dân để phát triển sản phẩm OCOP.

4. Quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP, xúc tiến thương mại

Các sản phẩm đạt 3-5 sao được hỗ trợ xúc tiến thương mại, tham gia các Chương trình hỗ trợ xúc tiến cấp tỉnh, quốc gia và quốc tế, các hoạt động chủ yếu gồm:

- Xây dựng Trung tâm chuyển giao kỹ thuật và giới thiệu sản phẩm, dịch vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao Thái Nguyên (*đã được phê duyệt dự án tại Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên*) bổ sung thêm chức năng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP cấp tỉnh. Hỗ trợ hình thành hệ thống giới thiệu và bán sản phẩm OCOP (biển quảng cáo, kệ, tủ trưng bày, bảo quản,..) tại các khu du lịch, siêu thị, cửa hàng tiện ích, chợ truyền thống, trung tâm hành chính cấp huyện và xã.

- Quảng bá, tiếp thị sản phẩm trên các phương tiện truyền thông đại chúng: Xây dựng video clip, tin bài quảng bá cho các sản phẩm có thứ hạng sao cao (từ 3-5 sao); phát sóng trên truyền hình hoặc báo, tạp chí của tỉnh.

- Tổ chức sự kiện quảng bá sản phẩm OCOP gắn liền với phát triển du lịch, hội chợ, triển lãm sản phẩm OCOP cấp huyện, tỉnh, quốc gia.

5. Về khoa học và công nghệ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

- Triển khai các chính sách khoa học, công nghệ đối với sản phẩm OCOP trên nhu cầu của chủ thể tham gia Chương trình OCOP;

- Ưu tiên công tác phát triển, đăng ký xác lập, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các sản phẩm OCOP.

6. Xây dựng hệ thống tư vấn, đối tác hỗ trợ thực hiện chương trình OCOP

- Hệ thống tư vấn hỗ trợ, gồm: Các cơ quan quản lý chương trình các cấp, trọng tâm là cấp huyện; các cá nhân, pháp nhân có kinh nghiệm và năng lực tư vấn toàn diện các hoạt động của chương trình OCOP;

- Hệ thống đối tác của Chương trình gồm: Các doanh nghiệp tham gia trong chuỗi sản xuất, kinh doanh sản phẩm; viện, trường đại học, nhà khoa học; hiệp hội chuyên ngành; các tổ chức quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm; ngân hàng, quỹ đầu tư; đài phát thanh, truyền hình, nhà báo.

7. Huy động nguồn lực

- Nguồn lực lớn nhất là từ cộng đồng, do vậy cần triển khai các phương pháp huy động nguồn lực từ cộng đồng (tiền vốn, đất đai, sức lao động, công nghệ,...) phù

hợp với các quy định của pháp luật; huy động nguồn lực từ các tổ chức tín dụng; các tổ chức khác.

- Ngân sách nhà nước bố trí phù hợp, kịp thời để hỗ trợ chủ thể thực hiện chương trình OCOP đầu tư sản xuất, kinh doanh.

8. Hợp tác trong nước và quốc tế

- Hợp tác với các tỉnh, thành trong nước và các nước triển khai chương trình OCOP/OTOP/OVOP để trao đổi kinh nghiệm và quảng bá, tiêu thụ, xuất khẩu các sản phẩm OCOP đến các tỉnh, thành trong nước và nước ngoài;

- Tổ chức các chuyến tham quan học tập kinh nghiệm thực hiện Chương trình OCOP trong nước và tại các quốc gia thích hợp; tổ chức tham gia các hội nghị, diễn đàn, hội chợ xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế nhằm quảng bá sản phẩm và huy động các nguồn lực thực hiện chương trình OCOP.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Tổng kinh phí (2019 - 2025): 685.680 triệu đồng

Trong đó:

1. Ngân sách nhà nước

1.1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp

1.1.1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 16.680 triệu đồng

(Có phụ biểu số 01 kèm theo)

1.1.2. Ngân sách huyện, xã (bố trí tối thiểu): 63.000 triệu đồng (trong đó ít nhất 1.000 triệu đồng/huyện/năm): Chi cho các hoạt động điều hành, tập huấn, tuyên truyền, xúc tiến thương mại, hỗ trợ phát triển sản phẩm.

1.2. Vốn lồng ghép: Dự kiến 246.000 triệu đồng

Lồng ghép các nguồn vốn thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM, vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, vốn thực hiện Đề án nông nghiệp công nghệ cao, Đề án tái cơ cấu nông nghiệp, Đề án sản xuất chế biến và tiêu thụ chè, vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ, nguồn khuyến công, khuyến nông, các nguồn vốn lồng ghép khác của Trung ương và địa phương.

(Có phụ biểu số 02 kèm theo)

2. Nguồn vốn xã hội hóa: Dự kiến 360.000 triệu đồng.

Nguồn vốn thực hiện Chương trình OCOP chủ yếu là nguồn xã hội hóa từ: Vốn của các doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất tự huy động, vốn vay từ các tổ chức tín dụng, các quỹ đầu tư, quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, quỹ hỗ trợ phát triển HTX, tài trợ của các tổ chức quốc tế.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

**Phụ biểu số 01: DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH**
(Ban hành kèm theo Đề án “*Mỗi xã một sản phẩm*” tỉnh Thái Nguyên,
giai đoạn 2019 - 2025)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG CHI	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I	Công tác triển khai, tuyên truyền				110.000.000
1	Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án hàng năm	Hội nghị	2	20.000.000	40.000.000
2	Tuyên truyền cấp tỉnh Đài truyền hình (xây dựng các clip, phóng sự) cho 7 năm	Cả năm	7	10.000.000	70.000.000
II	Nhận đăng ký ý tưởng sản phẩm				180.000.000
1	Hội đồng xét duyệt ý tưởng cấp tỉnh	Hội đồng	7	Tạm tính	30.000.000
2	Đào tạo, tập huấn	lớp	5	30.000.000	150.000.000
III	Nhận phương án/Dự án sản xuất kinh doanh				150.000.000
1	Đào tạo, tập huấn	lớp	5	30.000.000	150.000.000
IV	Triển khai phương án/Dự án sản xuất kinh doanh				12.600.000.000
1	- Hỗ trợ triển khai các sản phẩm được lựa chọn: Hỗ trợ thiết kế bao bì mẫu mã, nhãn hiệu sản phẩm... - Website sản phẩm, phần mềm quản lý Chương trình OCOP, VSATTP.	SP	120	30.000.000	3.600.000.000
2	Chi Dự án hỗ trợ xây dựng mô hình điểm	Dự án	9	1.000.000.000	9.000.000.000
V	Xúc tiến thương mại				3.240.000.000
1	Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP: Mỗi huyện, thành phố, thị xã hỗ trợ (biển hiệu, giá kệ trưng bày...) cho 04 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP x 9 huyện	Điểm	36	15.000.000	540.000.000
2	Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP: Mỗi xã, phường, thị trấn hỗ trợ (biển hiệu, giá kệ trưng bày,...) cho 03 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP x 180 xã	Điểm	540	5.000.000	2.700.000.000
VII	Chi khác				400.000.000
1	Chi hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh	Năm	7	50.000.000	350.000.000
2	Tổng kết đề án	Hội nghị	1	50.000.000	50.000.000
	Tổng cộng				16.680.000.000

Phụ biểu số 02: DANH MỤC VỐN LÒNG GHÉP TỪ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ TÁC ĐỘNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH OCOP
(Ban hành kèm theo Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2019-2025)

TỔNG VỐN LÒNG GHÉP: 246.000,0 triệu đồng. Trong đó:

1. Vốn Chương trình Mục tiêu Quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (Ngân sách TW): 86.000,0 triệu đồng

Hỗ trợ các mô hình, dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp; khoa học công nghệ trong xây dựng nông thôn mới; giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm; quảng bá, giới thiệu sản phẩm; xây dựng Website giới thiệu và bán sản phẩm OCOP; đăng ký quyền bảo hộ và sở hữu trí tuệ. Cụ thể:

Năm 2019: Hỗ trợ 19.930 triệu đồng.

Năm 2020: Dự kiến 10.070 triệu đồng.

Năm 2021-2025: Dự kiến 10.000 triệu đồng/năm x 5 năm = 50.000 triệu đồng.

2. Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (ngân sách TW): 70.000,0 triệu đồng

Vốn giảm nghèo hỗ trợ cho phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

Dự kiến: 10.000 triệu đồng/năm x 7 năm = 70.000 triệu đồng.

3. Vốn hỗ trợ ngành nông nghiệp: 45.000,0 triệu đồng

Vốn ngành nông nghiệp hỗ trợ khuyến nông, thủy sản...: Đề án tái cơ cấu nông nghiệp, Đề án sản xuất chế biến và tiêu thụ chè...

Dự kiến: 6.430 triệu đồng/năm x 7 năm = 45.000 triệu đồng

4. Vốn hỗ trợ phát triển ngành nghề nông nghiệp nông thôn; phát triển Hợp tác xã, đào tạo nghề nông thôn: 25.000,0 triệu đồng

Vốn hỗ trợ Đào tạo nghề nông thôn, phát triển ngành nghề nông thôn, HTX

Dự kiến: 3.570 triệu đồng/năm x 7 năm = 25.000 triệu đồng.

5. Vốn hỗ trợ khoa học công nghệ; xúc tiến thương mại; văn hóa, thể thao và du lịch: 20.000,0 triệu đồng

Vốn hỗ trợ các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tổ chức và tham gia các hội trợ, giới thiệu và bán sản phẩm; tập huấn, đào tạo kiến thức về du lịch và hỗ trợ xây dựng mô hình du lịch làng, bản văn hóa...

Dự kiến: 2.857 triệu đồng/năm x 7 năm = 20.000 triệu đồng.